



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

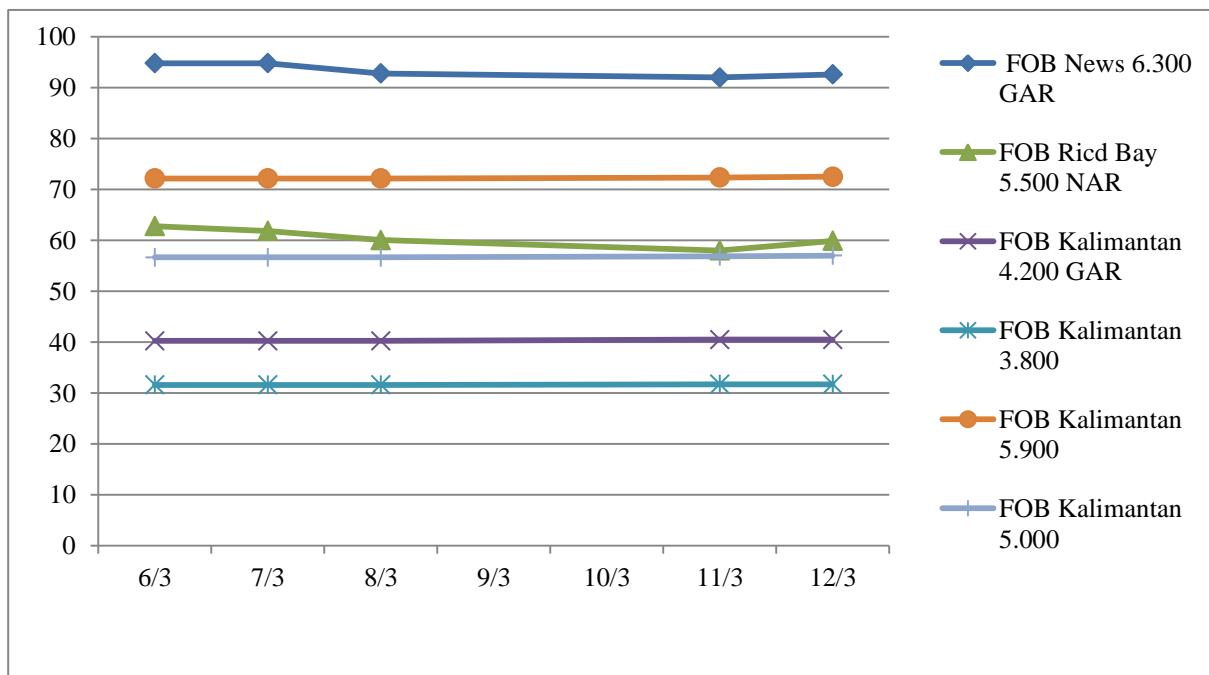
Ngày 20/3/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	91,10	+1,60	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	59,00	+1,50	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,75	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	56,25	+0,00
FOB Kalimantan 4.200 GAR	37.90	+0.25	N/A	N/A
FOB Kalimantan 3.800 GAR	29.40	+0.15	N/A	N/A

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	47,25	-0,25	315,84	-2,29
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	63,75	+0,00	426,13	-0,84
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	67,50	+1,50	451,19	-10,94

GIÁ THEO CHUYÊN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/3/2019)

ĐIỂM TIN

Khối lượng than Nga xuất khẩu trong tháng 2 giảm còn 13,91 triệu tấn

Nga đã xuất khẩu 13,91 triệu tấn than trong tháng 2, giảm 4,5% so với tháng 1 và 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Lượng than xuất khẩu trong hai tháng đầu năm đạt 28,47 triệu tấn, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù lượng than xuất khẩu của Nga được dự kiến sẽ tăng trong năm 2019, nhu cầu sử dụng than từ những thị trường lớn như Châu Âu và Châu Á đã giảm sút từ đầu năm nay. Đại diện công ty đường sắt Russian Railways - vận chuyển phần lớn than Nga tới các cảng xuất khẩu cho biết đã có 11,81 triệu tấn than được xếp trên tàu để vận chuyển tới các cảng xuất khẩu trong tháng 2, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, nhưng giảm 2% so với tháng trước đó. Tổng lượng than vận chuyển tới các cảng xuất khẩu trong hai tháng đầu năm 2019 hiện đạt 23,84 triệu tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước.

Không còn nhà máy điện nào của Ấn Độ rơi vào tình trạng thiếu than khẩn cấp

Nguồn cung tăng kết hợp với nhu cầu tiêu thụ điện thấp trong mùa đông đã khiến số lượng các nhà máy nhiệt điện rơi vào tình trạng thiếu than khẩn cấp giảm còn không, lần cuối cùng Ấn Độ đạt được điều này là bốn năm trước. Lượng than dự trữ trung bình tại 126 NMNĐ, được theo dõi bởi Trung Tâm Điện lực Ấn Độ, đạt 29 triệu tấn, đủ vận hành 17 ngày. So sánh với tháng 10 năm ngoái, số lượng các nhà máy nhiệt điện trong tình trạng thiếu than nghiêm trọng lên tới 33, lượng than dự trữ tại các nhà máy này chỉ còn 10 triệu tấn. Theo dữ liệu của Trung Tâm Điện lực (CEA), hiện tại có tới 26 NMNĐ đủ lượng than dự trữ vận hành trong vòng một tháng hoặc hơn.

Ông Jayanta Roy, chủ tịch công ty đánh giá tín dụng doanh nghiệp Ấn Độ (ICRA), cho biết: “Sản lượng than trung bình ngày của Coal India đã tăng đều trước mùa gió chướng, từ 1,3 triệu tấn/ngày trong tháng 9 năm 2018 lên tới 1,9 triệu tấn/ngày trong tháng 2 năm 2019. Điều này khiến lượng than dự trữ tại các NMNĐ được cải thiện. Phản ánh qua số lượng các NMNĐ trong tình trạng cạn kiệt than giảm từ 24 (tính từ tháng 10/2018) xuống còn 0 (tính đến tháng 17/3/2019)”. Ông Roy cho biết thêm: “Tuy nhiên, mùa hè (tháng 4 đến tháng 6/2019) sắp tới gần, khả năng duy trì sản lượng của các công ty khai thác lớn là rất quan trọng”.

Theo dữ liệu của CEA, hiện có một số NMNĐ có lượng than dự trữ chỉ đủ vận hành trong một đến ba ngày, tuy nhiên các trường hợp trên không quá khẩn cấp do các nhà máy này gần với các mỏ than hoặc đã tiêu thụ gần hết lượng than chỉ tiêu trong kỳ”. Lượng than dự trữ tại 17 NMNĐ gần các mỏ than hiện ở mức 6,8 triệu tấn, đủ vận hành trong 14 ngày. Con số trên cao hơn gấp đôi so với dự tính bảy ngày vận hành đưa ra bởi CEA. Đối với các NMNĐ xa mỏ than, lượng than dự trữ chiếm khoảng 22 triệu tấn, đủ để vận hành trong 18 ngày, gần với mức dự tính 21 ngày của CEA. Lượng than có sẵn tại Coal India đã tăng 65% lên mức 34,76 triệu tấn từ tháng 10 năm 2018, đủ để các nhà máy vận hành 20 ngày, ngoài lượng than dự trữ tại kho của nhà máy.

Lượng than nhiệt giao dịch phái sinh trong tháng 2 chỉ đạt 76,2 triệu tấn

Khối lượng than nhiệt giao dịch phái sinh trong tháng 2 tại Châu Âu đạt 76,16 triệu tấn, giảm 18% so với tháng 1 và 11% so với cùng kỳ năm trước, theo dữ liệu đưa ra trong thứ 3 (12/3) bởi London Energy Brokers Association (LEBA). Điều này cho thấy xu hướng dài hạn giảm khối lượng than nhiệt giao dịch phái sinh qua từng năm, dự kiến sẽ tiếp tục trong suốt năm 2019. Khối lượng than nhiệt giao dịch phái sinh tại Châu Âu theo điều kiện CIF Amsterdam-Rotterdam Antwerp đạt 60,32 triệu tấn, chiếm 79% tổng khối lượng được giao dịch. Lượng than nhiệt phái sinh giao dịch theo điều kiện CIF ARA giảm 18% so với tháng 1 và giảm 10% so với năm trước. Tại Australia, theo điều kiện FOB Newcastle, khối lượng than giao dịch phái sinh đạt 8,48 triệu tấn, giảm 34% so với tháng trước và giảm 19% so với năm 2018. Tại Nam Phi, theo điều kiện FOB Richard Bay, khối lượng than giao dịch phái sinh đạt 7,35 triệu tấn, tăng 31% so với tháng trước, nhưng giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.

(Nguồn: www.spglobal.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,45	+0,40
	Queensland	Nhật Bản	7,10	+0,45
	New South Wales	Hàn Quốc	7,95	+0,45
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	11,15	-0,20
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	7,70	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,20	-0,20
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,40	-0,05
	Australia	Trung Quốc	10,50	-0,25
	Australia	Ấn Độ	11,75	-0,45

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/03/2019)